

Sơn La, ngày tháng năm 2026

**BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUY ĐỊNH CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ TẠO NGUỒN LAO ĐỘNG ĐI LÀM VIỆC Ở NƯỚC NGOÀI GIAI ĐOẠN 2026-2030 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA**

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
<p>- Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14; - Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng số 69/2020/QH14; - Luật Việc làm số 74/2025/QH15; - Nghị định số 338/2025/NĐ-CP ngày 25/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Việc làm về chính sách hỗ trợ tạo việc làm.</p>	<p>Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định chính sách hỗ trợ người lao động và tạo nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Sơn La.</p>	<p>Việc ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh Sơn La quy định chính sách hỗ trợ người lao động và tạo nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Sơn La là hết sức cần thiết, vừa xuất phát từ yêu cầu thực tiễn vừa có đầy đủ căn cứ pháp lý. Nghị quyết sẽ tạo cơ sở để triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án đưa người lao động tỉnh Sơn La đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng giai đoạn 2025-2030 của UBND tỉnh và đạt được chỉ tiêu giai đoạn 2025-2030 đã đề ra, đồng thời sẽ tạo cơ sở pháp lý để tỉnh triển khai đồng bộ các giải pháp hỗ trợ, vừa bảo đảm tính thống nhất với chính sách của Trung ương, vừa có các chính sách đặc thù phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, qua đó góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập, giảm nghèo bền vững và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Sơn La.</p>

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	<b>Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG</b>	
<b>Chưa có quy định</b>	<p><b>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh</b> Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ người lao động và tạo nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Sơn La.</p>	<p>Việc xác định giai đoạn 2026-2030 nhằm bảo đảm tính thống nhất với Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Sơn La lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2025-2030 (được Đại hội thông qua ngày 29/9/2025), Đề án số 2553/ĐA-UBND ngày 14/10/2025 của UBND tỉnh về việc “Đưa người lao động tỉnh Sơn La đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng giai đoạn 2025–2030”, đồng thời phù hợp với chu kỳ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2025-2030) của tỉnh.</p> <p>Quy định phạm vi điều chỉnh theo giai đoạn cụ thể giúp việc triển khai, tổng kết, đánh giá, điều chỉnh chính sách được thuận lợi, tránh kéo dài gây khó khăn trong cân đối nguồn lực và dự toán ngân sách hằng năm.</p> <p>Sau khi kết thúc giai đoạn 2026-2030, căn cứ tình hình thực tiễn, tỉnh sẽ tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện để trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét ban hành chính sách cho giai đoạn tiếp theo.</p>
- Điều 14 Luật Việc làm số 74/2025/QH15 quy định:	<b>Điều 2. Đối tượng áp dụng</b>	- Việc xác định người lao động thường trú trên địa bàn tỉnh Sơn La là đối tượng áp dụng nhằm

<b>QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH</b>	<b>DỰ THẢO VĂN BẢN</b>	<b>THUYẾT MINH</b>
<p>1. Người lao động thuộc một trong các trường hợp sau đây được hỗ trợ trước khi đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng:</p> <p>a) Người có công với cách mạng, thân nhân của người có công với cách mạng;</p> <p>b) Người dân tộc thiểu số;</p> <p>c) Người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo;</p> <p>d) Người có đất thu hồi thuộc đối tượng được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo quy định của pháp luật về đất đai;</p> <p>đ) Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân;</p> <p>e) Thanh niên tình nguyện hoàn thành nhiệm vụ thực hiện chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội;</p> <p>g) Trí thức trẻ tình nguyện sau khi hoàn thành nhiệm vụ công tác tại khu kinh tế - quốc phòng.</p>	<p>1. Người lao động thường trú trên địa bàn tỉnh Sơn La từ đủ hai năm trở lên đi làm việc ở nước ngoài, bao gồm:</p> <p>a) Người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;</p> <p>b) Người lao động đi làm việc thời vụ ở nước ngoài theo Nghị quyết của Chính phủ về thí điểm đưa người lao động đi làm việc thời vụ theo hình thức hợp tác giữa các địa phương của hai nước.</p> <p>2. Các trường trung học phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên, cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh.</p> <p>3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện chính sách hỗ trợ quy định tại Nghị quyết này.</p>	<p>bảo đảm phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết mang tính đặc thù của địa phương, tránh trùng lặp với các chính sách hỗ trợ của Trung ương hoặc các tỉnh khác.</p> <p>- Luật Việc làm năm 2025 (Điều 14) quy định các nhóm đối tượng cụ thể được hỗ trợ trước khi đi làm việc ở nước ngoài, các nhóm này được hỗ trợ bằng nguồn ngân sách Trung ương. Tuy nhiên, thực tế tại tỉnh Sơn La cho thấy nhu cầu đi làm việc ở nước ngoài không chỉ tập trung ở các nhóm đối tượng trên mà còn có nhiều lao động khác (người dân tộc Kinh) có nhu cầu chính đáng nhưng không thuộc diện được hỗ trợ từ Trung ương. Vì vậy, nếu tỉnh chỉ giới hạn theo quy định của Luật, thì sẽ bỏ sót một bộ phận lớn người lao động, làm giảm hiệu quả thực hiện Đề án của tỉnh về đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài giai đoạn 2025-2030. Do đó, dự thảo Nghị quyết của tỉnh Sơn La không phân biệt đối tượng cụ thể mà quy định hỗ trợ chung cho mọi người lao động thường trú trên địa bàn tỉnh đi làm việc ở nước ngoài. Cách quy định này bảo đảm tính bao phủ chính sách, khuyến khích mọi người lao động có nhu cầu chính đáng đều có cơ hội tiếp cận hỗ trợ. Đồng thời, vẫn không trùng lặp với chính sách của Trung ương.</p>

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
		<p>- Bổ sung người lao động đi làm việc thời vụ ở nước ngoài là phù hợp với chủ trương của Chính phủ về thí điểm đưa người lao động đi làm việc thời vụ theo hình thức hợp tác giữa các địa phương của hai nước.</p> <p>- Việc đưa các trường THPT, trung tâm giáo dục thường xuyên, cơ sở giáo dục nghề nghiệp vào đối tượng áp dụng là cần thiết, vì đây là nguồn trực tiếp tạo nguồn lao động trẻ có khả năng tham gia thị trường lao động quốc tế; đồng thời phù hợp với nhiệm vụ được giao tại Đề án đưa người lao động Sơn La đi làm việc ở nước ngoài giai đoạn 2025-2030.</p> <p>- Việc bổ sung các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan giúp bảo đảm sự phối hợp đồng bộ trong quá trình thực hiện chính sách, bao gồm cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp dịch vụ, đơn vị đào tạo, tổ chức tín dụng...</p> <p>Quy định này mở rộng đối tượng thụ hưởng chính sách, nhưng vẫn nằm trong phạm vi pháp luật cho phép, góp phần thúc đẩy phát triển nguồn nhân lực, tăng cơ hội việc làm và nâng cao thu nhập cho người lao động Sơn La.</p>
<p><b>Chưa có quy định</b></p>	<p><b>Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ</b>  1. Việc hỗ trợ được thực hiện bảo đảm công khai, minh bạch, đúng đối tượng,</p>	<p>Quy định tại Điều 3 nhằm bảo đảm tính thống nhất, minh bạch và tránh chồng chéo trong việc triển khai chính sách hỗ trợ giữa các cấp ngân</p>

<b>QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH</b>	<b>DỰ THẢO VĂN BẢN</b>	<b>THUYẾT MINH</b>
	<p>đúng mục đích, không trùng lặp, chồng chéo, trong phạm vi dự toán ngân sách được giao và theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Người lao động nếu thuộc đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ của Trung ương với mức hỗ trợ bằng hoặc cao hơn mức hỗ trợ quy định tại Nghị quyết này thì không hưởng chính sách hỗ trợ từ Nghị quyết này.</p> <p>3. Người lao động chỉ được hưởng hỗ trợ một lần cho mỗi lần đi làm việc ở nước ngoài; không hỗ trợ nhiều lần cho cùng một nội dung.</p> <p>4. Đối với các chính sách hỗ trợ quy định tại Nghị quyết này mà Trung ương không có quy định thì người lao động được hưởng đầy đủ theo quy định tại Nghị quyết này.</p>	<p>sách và giữa các chính sách của Trung ương với chính sách đặc thù của tỉnh, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khoản 1 quy định nguyên tắc công khai, minh bạch, đúng đối tượng, đúng mục đích, phù hợp dự toán ngân sách và quy định pháp luật.</li> </ul> <p>Cơ sở của quy định này xuất phát từ Luật Ngân sách nhà nước, Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và các quy định về quản lý chi ngân sách, nhằm bảo đảm việc hỗ trợ được thực hiện đúng quy trình, đối tượng, tránh thất thoát, lạm dụng chính sách. Đây là nguyên tắc chung áp dụng cho các chính sách chi ngân sách địa phương, đồng thời giúp tăng tính công khai, minh bạch trong quá trình hỗ trợ người lao động.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khoản 2 xác định nguyên tắc không hỗ trợ trùng lặp giữa chính sách của Trung ương và của tỉnh.</li> </ul> <p>Cơ sở pháp lý là quy định tại Điều 14 Luật Việc làm năm 2025 và Nghị định 338/2025/NĐ-CP, trong đó Chính phủ có chính sách hỗ trợ một số nhóm đối tượng cụ thể trước khi đi làm việc ở nước ngoài. Vì vậy, tỉnh quy định nguyên tắc: nếu Trung ương đã hỗ trợ bằng hoặc cao hơn, tỉnh không chi thêm để tránh chồng chéo ngân sách. Cách tiếp cận này vừa bảo đảm tính tương thích với chính sách Trung ương, vừa thể hiện</p>

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
		<p>tính linh hoạt, chủ động của địa phương trong quản lý, điều hành ngân sách.</p> <p>- Khoản 3 quy định người lao động chỉ được hỗ trợ một lần cho mỗi lần đi làm việc ở nước ngoài, không hỗ trợ nhiều lần cho cùng nội dung. Quy định này nhằm tránh tình trạng trùng lặp, trục lợi chính sách, bảo đảm công bằng giữa các đối tượng thụ hưởng, đồng thời phù hợp với nguyên tắc sử dụng ngân sách tiết kiệm, hiệu quả.</p> <p>- Khoản 4 quy định đối với các chính sách hỗ trợ mà Trung ương chưa có quy định, tỉnh được chủ động ban hành chính sách đặc thù để người lao động được hưởng đầy đủ theo quy định tại Nghị quyết.</p> <p>Đây là điểm nhấn thể hiện tính chủ động, sáng tạo của tỉnh Sơn La trong việc xây dựng cơ chế đặc thù nhằm khuyến khích người lao động đi làm việc ở nước ngoài, góp phần thực hiện mục tiêu của Đề án giai đoạn 2025-2030. Đồng thời, phù hợp với thẩm quyền ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách đặc thù, biện pháp tạo động lực phát triển kinh tế – xã hội theo quy định.</p> <p>Tóm lại, các nguyên tắc tại Điều 3 là căn cứ để triển khai chính sách hỗ trợ thống nhất, công khai, hiệu quả, không chồng chéo và bảo đảm đúng định hướng pháp luật, đồng thời tạo cơ chế</p>

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
		<p>linh hoạt để Sơn La chủ động cân đối nguồn lực, mở rộng phạm vi hỗ trợ, tăng tính khả thi trong quá trình tổ chức thực hiện.</p>
<p>- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;  - Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 và các văn bản hướng dẫn thi hành;  - Điều 4 Nghị định số 338/2025/NĐ-CP quy định:  <i>“1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền quyết định hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng đối với người lao động có nơi ở hiện tại tại địa phương.  2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc phân cấp hoặc ủy quyền thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 1 Điều này theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15.”</i></p>	<p><b>Điều 4. Thẩm quyền hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài</b>  Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, ban hành quyết định hỗ trợ và tổ chức chi trả cho người lao động thường trú tại địa phương đi làm việc ở nước ngoài theo quy định tại Nghị quyết này.</p>	<p>Việc giao thẩm quyền cho UBND cấp xã thực hiện hỗ trợ người lao động là phù hợp với quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 về phân định thẩm quyền giữa các cấp chính quyền địa phương.  Mục đích là nhằm tăng tính chủ động, gần dân, sát dân, bảo đảm người lao động được hỗ trợ kịp thời, thuận tiện trong tiếp cận chính sách; đồng thời giảm khâu trung gian, nâng cao hiệu quả quản lý và trách nhiệm của chính quyền cơ sở. Góp phần tăng cường trách nhiệm của chính quyền cấp xã trong việc tuyên truyền, vận động, hướng dẫn người dân tham gia chương trình đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài. Bảo đảm tính khả thi, hiệu quả, sát thực tiễn, phù hợp với đặc thù địa bàn miền núi, dân cư phân tán của tỉnh Sơn La.  Ngoài ra UBND tỉnh cũng đã ban hành Quyết định ủy quyền cho UBND cấp xã thực hiện thẩm quyền quyết định hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng đối với người lao động có nơi ở hiện tại tại địa phương theo quy định tại Nghị định 338/2025/NĐ-CP.</p>

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
<p style="text-align: center;"><b>Chương VI</b> <b>CHẾ ĐỘ HỖ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐI LÀM VIỆC Ở NƯỚC NGOÀI THEO HỢP ĐỒNG</b> (Nghị định số 338/2025/NĐ-CP)</p>	<p style="text-align: center;"><b>Chương II</b> <b>CHẾ ĐỘ HỖ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐI LÀM VIỆC Ở NƯỚC NGOÀI</b></p>	
<p><b>Điều 30. Nội dung và mức chi hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng</b></p> <p>1. Giáo dục định hướng trước khi đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, bao gồm:</p> <p>a) Hỗ trợ chi phí đào tạo theo chi phí thực tế, tối đa 530.000 đồng/người/khoá học;</p> <p>b) Hỗ trợ tiền ăn, sinh hoạt phí trong thời gian đào tạo là 50.000 đồng/người/ngày;</p> <p>c) Hỗ trợ tiền ở trong thời gian đào tạo là 400.000 đồng/người/tháng;</p> <p>d) Hỗ trợ tiền đi lại cho người lao động từ nơi ở hiện tại đến địa điểm đào tạo theo định mức như sau: 200.000 đồng/người/khoá</p>	<p><b>Điều 5. Nội dung và mức chi hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài</b></p> <p>1. Đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này được hưởng hỗ trợ như sau:</p> <p>a) Chi phí đào tạo giáo dục định hướng trước khi đi làm việc ở nước ngoài theo chi phí thực tế, tối đa 530.000 đồng/người/khoá học;</p> <p>b) Chi phí đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề theo chi phí thực tế, tối đa 4.000.000 đồng/người/khoá học;</p> <p>c) Chi phí đào tạo ngoại ngữ theo mức cụ thể của từng khoá học và thời gian học thực tế, tối đa 4.000.000 đồng/người/khoá học;</p> <p>d) Tiền ăn, sinh hoạt phí trong thời gian đào tạo là 50.000 đồng/người/ngày;</p> <p>đ) Tiền ở trong thời gian đào tạo là 400.000 đồng/người/tháng;</p>	<p><b>1. Nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 5 quy định hỗ trợ đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài:</b> Nội dung và mức chi hỗ trợ trên cơ sở vận dụng, tiếp thu một số quy định tại Điều 30 Nghị định số 338/2025/NĐ-CP. Nghị định 338/2025/NĐ-CP hỗ trợ cho một số nhóm đối tượng ưu tiên theo Điều 14 Luật Việc làm. Tuy nhiên, vẫn còn người lao động có nguyện vọng đi làm việc ở nước ngoài không thuộc các nhóm trên, nên không được hưởng hỗ trợ của Trung ương, dẫn đến hạn chế trong việc mở rộng quy mô, tạo nguồn và khuyến khích người dân tham gia. Do đó, việc tinh ban hành chính sách đặc thù, lựa chọn một số nội dung hỗ trợ thiết thực, mức chi tương đương hoặc thấp hơn Trung ương đối với các nội dung được lựa chọn là cần thiết để mở rộng phạm vi thụ hưởng nhưng vẫn bảo đảm cân đối ngân sách và phù hợp khả năng thực hiện của địa phương.</p>

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
<p>học đối với người lao động cư trú cách địa điểm đào tạo từ 15 km trở lên; 300.000 đồng/người/khóa học đối với người lao động cư trú tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn cách địa điểm đào tạo từ 5 km trở lên.</p> <p>2. Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề, ngoại ngữ, bao gồm:</p> <p>a) Hỗ trợ chi phí đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề theo chi phí thực tế, tối đa 4 triệu đồng/người/khóa học;</p> <p>b) Hỗ trợ đào tạo ngoại ngữ theo mức cụ thể của từng khóa học và thời gian học thực tế, tối đa 4 triệu đồng/người/khóa học;</p> <p>c) Hỗ trợ theo quy định tại điểm b, điểm c, điểm d khoản 1 Điều này.</p> <p>3. Đào tạo nâng cao trình độ kỹ năng nghề theo thỏa thuận</p> <p>a) Người lao động tham gia các chương trình đào tạo, nâng cao trình độ tay nghề theo yêu cầu</p>	<p>e) Hỗ trợ tiền đi lại cho người lao động từ nơi đăng ký thường trú đến địa điểm đào tạo cách từ 15km trở lên: 200.000 đồng/người/khóa học;</p> <p>g) Lệ phí làm hộ chiếu theo mức quy định của pháp luật về chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng lệ phí cấp hộ chiếu, thị thực, giấy tờ về nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh và cư trú tại Việt Nam;</p> <p>h) Lệ phí cấp phiếu lý lịch tư pháp theo mức quy định của pháp luật về chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp phiếu lý lịch tư pháp;</p> <p>i) Lệ phí làm thị thực (visa) theo mức quy định hiện hành của nước tiếp nhận lao động;</p> <p>k) Chi phí khám sức khỏe theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thực tế của cơ sở y tế được phép thực hiện khám sức khỏe đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài, mức hỗ trợ tối đa 750.000 đồng/người.</p> <p>2. Đối tượng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này được hỗ trợ các nội dung theo quy định tại các điểm a, g, h, i, k khoản 1 Điều này.</p>	<p>- Về mức hỗ trợ: Mức chi cơ bản được xây dựng bằng với Trung ương, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách tỉnh, nhưng vẫn đảm bảo tính khuyến khích để người lao động mạnh dạn đăng ký tham gia. Việc xây dựng mức chi đảm bảo tính khả thi, hiệu quả và công bằng xã hội.</p> <p>- Về tính hợp pháp, hợp lý: HĐND tỉnh có thẩm quyền ban hành chính sách đặc thù theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật Tổ chức chính quyền địa phương. Nghị quyết của tỉnh không trái, không chồng chéo với quy định của Trung ương, mà bổ sung để bao phủ những nhóm lao động chưa được hỗ trợ, góp phần thực hiện hiệu quả Đề án đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài giai đoạn 2025-2030 của tỉnh.</p> <p><b>2. Nội dung tại Khoản 2 Điều 5:</b></p> <p>Đối với người lao động đi làm việc thời vụ ở nước ngoài, hiện nay Trung ương chưa ban hành quy định về chính sách hỗ trợ riêng đối với nhóm đối tượng này. Tuy nhiên, nhu cầu đưa lao động đi làm việc thời vụ ở nước ngoài đang gia tăng. Đây là nhóm lao động phần lớn là lao động nông thôn, thu nhập thấp; thời gian làm việc ngắn, khó tiếp cận các chính sách hỗ trợ dài hạn khác; phải tự chi trả nhiều khoản chi phí ban đầu nên khả năng tham gia chương trình còn hạn chế. Nếu địa</p>

<b>QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH</b>	<b>DỰ THẢO VĂN BẢN</b>	<b>THUYẾT MINH</b>
<p>của hợp đồng cung ứng giữa doanh nghiệp Việt Nam với đối tác nước ngoài được hỗ trợ một phần chi phí bồi dưỡng, nâng cao kỹ năng nghề, đào tạo ngoại ngữ, mức hỗ trợ bằng 70% chi phí đào tạo của từng khóa học của cơ sở đào tạo nhưng không quá mức hỗ trợ quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều này;</p> <p>b) Người lao động tham gia các chương trình đào tạo trình độ cao theo thỏa thuận giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước tiếp nhận lao động được hỗ trợ chi phí đào tạo theo thỏa thuận.</p> <p>4. Chi phí khác cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, bao gồm:</p> <p>a) Lệ phí làm hộ chiếu theo mức quy định của pháp luật về chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng lệ phí cấp hộ chiếu, thị thực, giấy tờ về nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh và cư trú tại Việt Nam;</p>		<p>phương không ban hành chính sách hỗ trợ riêng, sẽ dẫn đến khó tạo được nguồn lao động tham gia chương trình thời vụ; bỏ lỡ cơ hội giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người lao động.</p> <p>Trên cơ sở đặc thù của lao động thời vụ (thời gian làm việc ngắn, chủ yếu làm các công việc giản đơn, không yêu cầu về ngoại ngữ và kỹ năng nghề), dự thảo Nghị quyết chỉ quy định hỗ trợ đối với các khoản chi thiết yếu phục vụ hoàn thiện thủ tục xuất cảnh, bao gồm: chi phí giáo dục định hướng, lệ phí hộ chiếu, lệ phí cấp phiếu lý lịch tư pháp, lệ phí làm thị thực và chi phí khám sức khỏe.</p> <p>Việc tinh ban hành chính sách hỗ trợ đối với lao động thời vụ là thực sự cần thiết, phù hợp thẩm quyền và đáp ứng yêu cầu thực tiễn, góp phần tạo nguồn lao động, mở rộng cơ hội việc làm và nâng cao thu nhập cho người dân trên địa bàn tỉnh.</p>

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
<p>b) Lệ phí cấp phiếu lý lịch tư pháp theo mức quy định của pháp luật về chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp phiếu lý lịch tư pháp;</p> <p>c) Lệ phí làm thị thực (visa) theo mức quy định hiện hành của nước tiếp nhận lao động;</p> <p>d) Chi phí khám sức khỏe theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thực tế của cơ sở y tế được phép thực hiện khám sức khỏe đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài, mức hỗ trợ tối đa 750.000 đồng/người.</p>		
	<p><b>Điều 6. Hồ sơ hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài</b></p> <p>1. Giấy đề nghị hỗ trợ của người lao động hoặc của người được người lao động ủy quyền theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị quyết này.</p> <p>2. Giấy tờ chứng minh là người lao động thường trú trên địa bàn tỉnh Sơn La, thông tin được khai thác trên tài khoản định danh điện tử mức độ 02 của người lao động.</p>	<p>Thành phần hồ sơ hỗ trợ được quy định tại Điều 6 trên cơ sở tiếp thu quy định tại Điều 31 Nghị định số 338/2025/NĐ-CP, phù hợp với chủ trương tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và đơn giản hoá thủ tục hành chính. Việc quy định cụ thể thành phần hồ sơ trong Nghị quyết của HĐND tỉnh là cần thiết để đảm bảo tính đồng bộ, thuận lợi cho quá trình thực hiện chính sách tại cấp cơ sở; đồng thời tạo cơ sở pháp lý rõ ràng cho việc thẩm định, phê duyệt, chi trả kinh phí hỗ trợ.</p> <p>- Về nội dung hồ sơ:</p>

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	<p>3. Bản sao hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài đã ký kết giữa người lao động với doanh nghiệp dịch vụ hoặc đơn vị sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; bản sao có chứng thực hợp đồng cá nhân giữa người lao động với chủ sử dụng lao động nước ngoài và xác nhận đăng ký hợp đồng cá nhân hoặc bản sao hợp đồng lao động ký với chủ sử dụng lao động đối với người lao động đi làm việc thời vụ ở nước ngoài.</p> <p>4. Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc của hộ chiếu còn thời hạn và thị thực.</p> <p>5. Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc của chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận hoàn thành khóa giáo dục định hướng, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề, ngoại ngữ của người lao động làm cơ sở thanh toán chi phí ăn, ở trong thời gian đào tạo.</p>	<p>(1) Giấy đề nghị hỗ trợ: là căn cứ thể hiện nhu cầu, cam kết và trách nhiệm của người lao động, đồng thời là cơ sở pháp lý để cơ quan nhà nước tiếp nhận, thẩm định. Đồng thời quy định người nộp hồ sơ là người được người lao động uỷ quyền nhằm tạo thuận lợi cho người lao động đã bay, xuất cảnh sang làm việc ở nước ngoài vẫn có thể thực hiện các thủ tục nhận hỗ trợ.</p> <p>(2) Giấy tờ chứng minh thường trú tại địa phương: nhằm đảm bảo người hưởng chính sách là người lao động của tỉnh, đúng đối tượng quy định trong Nghị quyết. Việc cho phép khai thác thông tin trên tài khoản định danh điện tử mức độ 2 giúp giảm giấy tờ, phù hợp với chủ trương cải cách thủ tục hành chính, chuyên đổi số.</p> <p>(3) Hợp đồng đi làm việc ở nước ngoài: là căn cứ quan trọng chứng minh người lao động đã ký kết hợp pháp với doanh nghiệp dịch vụ, đơn vị sự nghiệp hoặc chủ sử dụng lao động nước ngoài; bảo đảm chính sách chỉ áp dụng cho các trường hợp đi làm việc hợp pháp, theo đúng quy định của pháp luật Việt Nam.</p> <p>(4) Hộ chiếu và thị thực: chứng minh người lao động đủ điều kiện xuất cảnh, là bằng chứng xác thực quá trình thực hiện hợp đồng và hoàn tất thủ tục ra nước ngoài làm việc.</p>

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	<p>6. Hoá đơn hoặc biên lai thu tiền giáo dục định hướng, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề, ngoại ngữ, khám sức khoẻ, hộ chiếu, thị thực và lý lịch tư pháp.</p>	<p>(5) Chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận hoàn thành khóa giáo dục định hướng, đào tạo nghề, ngoại ngữ: là căn cứ để chi trả hỗ trợ đối với chi phí đào tạo, đảm bảo người lao động đã tham gia các chương trình nâng cao năng lực trước khi đi làm việc ở nước ngoài.</p> <p>(6) Hóa đơn, biên lai các khoản chi: là tài liệu chứng minh người lao động đã thực chi các khoản chi phí hợp lệ (khám sức khỏe, hộ chiếu, visa, đào tạo...) là cơ sở để cơ quan chức năng kiểm tra, thanh toán và quyết toán kinh phí hỗ trợ.</p> <p>Quy định hồ sơ theo hướng cụ thể, chặt chẽ nhưng không gây khó khăn cho người lao động; đảm bảo vừa đúng quy định của pháp luật, vừa thuận tiện khi thực hiện tại cấp xã - nơi gần dân, trực tiếp tiếp nhận hồ sơ. Việc ban hành mẫu biểu thống nhất (Mẫu số 01) và chấp nhận các hình thức chứng thực điện tử giúp giảm thủ tục, tiết kiệm thời gian, chi phí, thúc đẩy ứng dụng chuyển đổi số trong lĩnh vực việc làm.</p>
<p><b>Điều 32. Trình tự, thủ tục hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng</b></p> <p>1. Người lao động nộp hồ sơ hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng trực</p>	<p><b>Điều 7. Trình tự, thủ tục hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài</b></p> <p>1. Người lao động hoặc người được người lao động ủy quyền nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính</p>	<p>Nội dung trình tự, thủ tục hỗ trợ được quy định tại Điều 7 trên cơ sở tiếp thu quy định tại Điều 32 Nghị định số 338/2025/NĐ-CP</p> <p>- Khoản 1 quy định các hình thức nộp hồ sơ: Cho phép người lao động nộp hồ sơ trực tiếp, qua bưu chính công ích, ủy quyền, hoặc thông qua</p>

<b>QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH</b>	<b>DỰ THẢO VĂN BẢN</b>	<b>THUYẾT MINH</b>
<p>tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền đến Trung tâm Phục vụ hành chính công nơi ở hiện tại, trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.</p> <p>2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, cơ quan có thẩm quyền quyết định hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng theo quy định tại Điều 4 Nghị định này quyết định hỗ trợ và thanh toán tiền hỗ trợ cho người lao động. Trường hợp không hỗ trợ phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p>	<p>công ích hoặc qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân đến Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã nơi thường trú hợp pháp.</p> <p>2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài, cơ quan có thẩm quyền hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài quyết định việc hỗ trợ và thanh toán tiền hỗ trợ cho người lao động, nếu không hỗ trợ thì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p>	<p>doanh nghiệp dịch vụ. Quy định này thể hiện tính mở, phù hợp với thực tế nhiều người lao động ở vùng sâu, vùng xa, không có điều kiện đi lại thường xuyên.</p> <p>Việc nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công nơi người lao động thường trú hợp pháp đảm bảo tính công khai, minh bạch, thống nhất đầu mối tiếp nhận và theo dõi giải quyết hồ sơ trên hệ thống điện tử của tỉnh. Đây cũng là bước cụ thể hóa chủ trương cải cách hành chính, chuyển đổi số và thực hiện “một cửa, một cửa liên thông” trong giải quyết thủ tục hành chính.</p> <p>- Khoản 2 quy định thời hạn giải quyết hồ sơ: Thời hạn 07 ngày làm việc được xây dựng trên cơ sở phù hợp với thời gian thẩm định, đối chiếu hồ sơ, đồng thời bảo đảm tính kịp thời trong việc chi trả chính sách để người lao động có kinh phí chuẩn bị trước khi xuất cảnh.</p> <p>Quy định bắt buộc cơ quan có thẩm quyền phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do nếu không chấp nhận hỗ trợ giúp nâng cao trách nhiệm, minh bạch và bảo vệ quyền lợi chính đáng của người lao động.</p> <p>Quy trình được xây dựng ngắn gọn, dễ hiểu, dễ thực hiện, giảm thiểu khâu trung gian, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Việc giao thẩm quyền giải quyết tại cấp cơ sở (Trung tâm</p>

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
		<p>Phục vụ hành chính công hoặc UBND cấp xã theo quy định tại Điều 4 của Nghị quyết) giúp rút ngắn thời gian, giảm chi phí hành chính, tăng tính chủ động cho chính quyền địa phương trong việc thực hiện chính sách hỗ trợ người dân. Quy định này góp phần bảo đảm công khai, minh bạch, thống nhất trong toàn tỉnh, đồng thời tạo thuận lợi tối đa cho người lao động khi tiếp cận chính sách</p>
<p>Chưa có quy định</p>	<p><b>Chương III</b> <b>CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ ĐỂ TẠO</b> <b>NGUỒN LAO ĐỘNG ĐI LÀM VIỆC</b> <b>Ở NƯỚC NGOÀI</b></p>	
	<p><b>Điều 8. Hỗ trợ các cơ sở giáo dục trong việc tổ chức đào tạo ngoại ngữ</b></p> <p>1. Đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này được hỗ trợ kinh phí tổ chức các khoá đào tạo ngoại ngữ phục vụ tạo nguồn đi làm việc ở nước ngoài.</p> <p>2. Nội dung hỗ trợ:</p> <p>a) Hỗ trợ kinh phí để các trường ký hợp đồng, thuê giáo viên tham gia giảng dạy các lớp đào tạo ngoại ngữ theo nhu cầu;</p>	<p>1. Sự cần thiết phải quy định chính sách hỗ trợ các cơ sở giáo dục trong việc tổ chức đào tạo ngoại ngữ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xuất phát từ thực tiễn, trên địa bàn tỉnh Sơn La, đặc biệt là tại các xã vùng sâu, vùng xa, điều kiện cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên và khả năng tiếp cận ngoại ngữ của học sinh còn nhiều hạn chế.</li> <li>- Các trung tâm ngoại ngữ tư nhân rất ít, chủ yếu tập trung ở thành phố, trong khi tại các xã vùng cao hầu như không có trung tâm đủ điều kiện tổ chức đào tạo ngoại ngữ. Học sinh ở các địa bàn này không có điều kiện về kinh tế và đi lại để theo học</li> </ul>

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	<p>b) Hỗ trợ chi phí mua sắm tài liệu, giáo trình phục vụ giảng dạy và học tập ngoại ngữ;</p> <p>c) Hỗ trợ chi phí tổ chức lớp học;</p> <p>d) Ngoại ngữ đào tạo tập trung vào 03 thứ tiếng: tiếng Nhật, tiếng Hàn và tiếng Trung.</p> <p>3. Mức hỗ trợ: theo chi phí thực tế, tối đa là 45.000.000 đồng/lớp ngoại ngữ/khóa học. Mỗi đơn vị được hỗ trợ tổ chức không quá một lớp ngoại ngữ/năm học.</p> <p>4. Việc hỗ trợ căn cứ vào kế hoạch mở lớp được cấp có thẩm quyền phê duyệt hằng năm. Ưu tiên đào tạo cho học sinh năm cuối trung học phổ thông và học sinh có nguyện vọng tham gia chương trình đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.</p>	<p>các lớp ngoại ngữ tại trung tâm; vì vậy cơ hội được học ngoại ngữ gần như không có.</p> <p>Trong khi đó, ngoại ngữ là điều kiện bắt buộc để tham gia chương trình đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Đây trở thành rào cản lớn khiến nhiều lao động dù có nguyện vọng và đủ năng lực, sức khỏe, tay nghề vẫn không đủ điều kiện ngoại ngữ để tham gia.</p> <p>- Chính sách của Trung ương hiện nay chưa có cơ chế hỗ trợ cho các cơ sở giáo dục trong công tác tổ chức đào tạo ngoại ngữ tạo nguồn, mà mới chỉ hỗ trợ trực tiếp cho người lao động sau khi được tuyển chọn.</p> <p>=&gt; Vì vậy, việc tỉnh Sơn La ban hành quy định hỗ trợ các cơ sở giáo dục tổ chức đào tạo ngoại ngữ là cần thiết và mang tính đặc thù của địa phương, nhằm:</p> <p>- Khắc phục rào cản ngoại ngữ đối với học sinh, thanh niên ở vùng khó khăn;</p> <p>- Tận dụng hạ tầng sẵn có của các trường phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên để tổ chức lớp học;</p> <p>- Tạo nguồn lao động có trình độ ngoại ngữ cơ bản, sẵn sàng tham gia các chương trình đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.</p> <p>2. Về nội dung quy định cụ thể:</p>

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
		<p>- Khoản 1 xác định rõ đối tượng được hỗ trợ là các cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp có tham gia tổ chức các lớp đào tạo ngoại ngữ phục vụ tạo nguồn đi làm việc ở nước ngoài, phù hợp với định hướng phát triển nguồn nhân lực của tỉnh.</p> <p>- Khoản 2 quy định nội dung chi hỗ trợ, gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Hỗ trợ kinh phí thuê giáo viên giảng dạy (có thể là giáo viên nước ngoài hoặc giáo viên hợp đồng ngắn hạn có chứng chỉ chuyên môn).</li> <li>+ Hỗ trợ tài liệu, giáo trình, học liệu phục vụ dạy và học;</li> <li>+ Hỗ trợ chi phí tổ chức lớp học (điện nước, vật tư tiêu hao, trang thiết bị phục vụ lớp).</li> </ul> <p>Các nội dung này được xây dựng trên cơ sở nhu cầu thực tế của các cơ sở giáo dục, đảm bảo tính khả thi, minh bạch trong triển khai.</p> <p>- Khoản 3 quy định mức hỗ trợ tối đa 45 triệu đồng/lớp/khóa học (từ 3 đến 6 tháng): mức hỗ trợ được tính toán trên cơ sở chi phí thực tế triển khai tại các trường, đồng thời bảo đảm khả năng cân đối ngân sách của tỉnh. Việc giới hạn mỗi trường được hỗ trợ tổ chức 01 lớp/năm học giúp khuyến khích mở lớp ở nhiều cơ sở, phân bổ nguồn lực hợp lý.</p> <p>- Khoản 4 nêu rõ điều kiện hỗ trợ: phải căn cứ vào kế hoạch mở lớp được cấp có thẩm quyền</p>

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
		<p>phê duyệt, ưu tiên cho học sinh năm cuối THPT và học sinh có nguyện vọng đi làm việc ở nước ngoài. Quy định này nhằm đảm bảo việc hỗ trợ có trọng tâm, hướng tới nhóm đối tượng thực sự có nhu cầu, tránh lãng phí ngân sách.</p> <p>- Ngôn ngữ đào tạo được định hướng tập trung vào 03 thứ tiếng chính (Nhật, Hàn, Trung), đây là các thị trường trọng điểm, ổn định, có thu nhập cao và phù hợp với năng lực lao động của tỉnh Sơn La.</p> <p>=&gt; Chính sách hỗ trợ này góp phần chủ động tạo nguồn lao động chất lượng cao, sẵn sàng đáp ứng yêu cầu tuyển chọn của doanh nghiệp dịch vụ đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài. Tăng cơ hội tiếp cận việc làm thu nhập cao cho học sinh tốt nghiệp THPT và lao động trẻ ở nông thôn, đồng thời giảm áp lực việc làm trong tỉnh. Góp phần kết nối hiệu quả giữa hệ thống giáo dục và thị trường lao động quốc tế, từng bước hình thành mô hình “đào tạo gắn với việc làm”, thực hiện mục tiêu phát triển bền vững lĩnh vực lao động - việc làm của tỉnh.</p>
Chưa có quy định	<p style="text-align: center;"><b>Chương IV</b> <b>CHÍNH SÁCH CHO VAY HỖ TRỢ ĐI LÀM VIỆC Ở NƯỚC NGOÀI</b></p>	
	<p style="text-align: center;"><b>Điều 9. Mức vay</b></p>	<p>- Về sự cần thiết phải quy định: Theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Luật Việc làm số</p>

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	<p>1. Người lao động thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản 2 Nghị quyết này được vay tối đa là 30.000.000 đồng.</p> <p>2. Căn cứ vào nguồn vốn và khả năng trả nợ của đối tượng vay vốn, Ngân hàng Chính sách xã hội thoả thuận thống nhất với đối tượng vay vốn để xem xét, quyết định mức vay cụ thể.</p>	<p>74/2025/QH15, đối tượng vay vốn hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng là người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Nhóm lao động đi làm việc thời vụ ở nước ngoài theo hình thức hợp tác giữa các địa phương của hai nước chưa thuộc đối tượng được vay vốn hỗ trợ theo quy định của Luật và các văn bản hướng dẫn thi hành. Trong khi đó, thực tiễn trên địa bàn tỉnh cho thấy nhu cầu tham gia chương trình lao động thời vụ ở nước ngoài tăng, nhưng phần lớn người lao động có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, phải tự chi trả các khoản chi phí ban đầu khá lớn, dẫn đến khả năng tiếp cận chương trình còn hạn chế. Giai đoạn 2026-2030, tỉnh đang đặt ra mục tiêu dự kiến đưa khoảng 3.000 người lao động đi làm việc thời vụ theo chương trình hợp tác giữa hai địa phương của hai nước. Nếu không có chính sách tín dụng hỗ trợ, rất khó hình thành nguồn lao động tham gia chương trình này.</p> <p>- Về đề xuất mức vay:</p> <p>Mặc dù Nghị quyết đã quy định hỗ trợ một phần chi phí cho người lao động đi làm việc thời vụ ở nước ngoài như: giáo dục định hướng, lệ phí làm thủ tục cấp phiếu lý lịch tư pháp, khám sức khỏe, visa, hộ chiếu, nhưng trong thực tế, người lao động vẫn phải tự chi trả thêm nhiều khoản quan trọng khác như vé máy bay, bảo hiểm, chi phí đi</p>

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
		<p>lại, sinh hoạt ban đầu tại nước tiếp nhận lao động và một số khoản chi phí phát sinh khác. Đây là các khoản chi bắt buộc, phát sinh ngay trước khi xuất cảnh hoặc trong giai đoạn đầu làm việc, tạo áp lực tài chính lớn đối với người lao động và gia đình.</p> <p>Do đó, việc quy định mức vay tối đa 30.000.000 đồng từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội là cần thiết và phù hợp. Mức vay này vừa hỗ trợ người lao động bù đắp các chi phí, vừa bảo đảm không vượt quá nhu cầu thực tế của hợp đồng lao động thời vụ, đồng thời phù hợp với khả năng trả nợ của người lao động và điều kiện cân đối nguồn vốn của địa phương.</p> <p>Trong bối cảnh Trung ương chưa có quy định riêng đối với nhóm đối tượng này, việc địa phương chủ động quy định mức vay 30 triệu đồng là giải pháp linh hoạt, phù hợp thực tiễn, nhằm tháo gỡ khó khăn trước mắt cho người lao động.</p>
	<p><b>Điều 10. Thời hạn vay vốn và lãi suất vay vốn</b></p> <p><b>1. Thời hạn vay vốn tối đa bằng thời hạn làm việc ghi trong hợp đồng lao động</b></p>	<p>- Về thời hạn vay vốn: Quy định tại Khoản 1 Điều 10 dự thảo Nghị quyết vận dụng quy định của Điều 14 Nghị định số 338/2025/NĐ-CP: “<i>Thời hạn vay vốn tối đa bằng thời hạn hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài, không bao gồm thời gian gia hạn hợp đồng.</i>”</p>

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	<p>đã ký kết giữa người lao động và chủ sử dụng lao động.</p> <p>2. Lãi suất vay vốn bằng 127% lãi suất vay vốn đối với hộ nghèo theo từng thời kỳ do Thủ tướng Chính phủ quy định</p> <p>3. Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay vốn theo quy định tại khoản 2 Điều này.</p>	<p>Việc quy định thời hạn vay vốn tối đa bằng thời hạn làm việc ghi trong hợp đồng lao động đã ký kết giữa người lao động và chủ sử dụng lao động là phù hợp với đặc thù của hoạt động đi làm việc thời vụ ở nước ngoài. Thời hạn vay gắn với thời hạn hợp đồng lao động giúp bảo đảm sự tương ứng giữa khả năng tạo thu nhập của người lao động và nghĩa vụ trả nợ, hạn chế phát sinh rủi ro nợ quá hạn, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động chủ động trong cân đối tài chính trong suốt quá trình làm việc ở nước ngoài.</p> <p>- Về lãi suất vay vốn và lãi suất nợ quá hạn: Quy định lãi suất vay vốn bằng 127% lãi suất vay vốn đối với hộ nghèo theo từng thời kỳ do Thủ tướng Chính phủ quyết định và lãi suất nợ quá hạn 130% là kế thừa và thống nhất với chính sách cho vay vốn đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 15 Nghị định số 338/2025/NĐ-CP.</p>
	<p><b>Điều 11. Hồ sơ vay vốn</b></p> <p>1. Giấy đề nghị vay vốn theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị quyết này.</p> <p>2. Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền cấp chứng minh thông tin về cư trú. Trường hợp người lao động có tài khoản định danh</p>	<p>Việc quy định thành phần hồ sơ vay vốn tại Điều 12 bảo đảm vừa đơn giản, thuận tiện cho người lao động, vừa đáp ứng yêu cầu thẩm định, kiểm soát rủi ro đối với nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội.</p>

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	<p>điện tử mức độ 02, người tiếp nhận hồ sơ vay vốn đối chiếu và xác nhận thông tin về cư trú của người lao động theo hướng dẫn của Ngân hàng Chính sách xã hội.</p> <p>3. Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu của hợp đồng lao động đi làm việc ở nước ngoài đã ký kết giữa người lao động và chủ sử dụng lao động.</p> <p>4. Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu của hộ chiếu còn thời hạn của người lao động.</p>	<p>- Giấy đề nghị vay vốn theo Mẫu số 02 là căn cứ để người lao động xác lập nhu cầu vay vốn, cam kết sử dụng vốn đúng mục đích và thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo quy định. Giấy tờ chứng minh thông tin về cư trú hoặc tài khoản định danh điện tử mức độ 2 giúp cơ quan cho vay xác định đúng đối tượng thụ hưởng chính sách của địa phương, đồng thời phù hợp với chủ trương đẩy mạnh chuyên đổi số, giảm yêu cầu xuất trình giấy tờ khi người lao động đã có tài khoản định danh điện tử.</p> <p>- Hợp đồng lao động đi làm việc ở nước ngoài đã ký kết giữa người lao động và chủ sử dụng lao động là căn cứ quan trọng để xác định thời hạn làm việc, mức thu nhập dự kiến và khả năng trả nợ của người vay, bảo đảm việc vay vốn gắn với nhu cầu thực tế và mục đích vay vốn. Quy định nộp bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu vừa bảo đảm tính pháp lý của hồ sơ, vừa tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động trong quá trình chuẩn bị giấy tờ.</p> <p>- Hộ chiếu còn thời hạn của người lao động là giấy tờ bắt buộc đối với người đi làm việc ở nước ngoài, việc yêu cầu nộp hộ chiếu giúp cơ quan cho vay xác định chắc chắn tư cách pháp lý và khả năng xuất cảnh của người vay vốn, hạn chế</p>

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
		<p>rủi ro phát sinh trong quá trình giải ngân và thu hồi nợ.</p> <p>Như vậy, thành phần hồ sơ vay vốn được quy định tại Điều 12 là hợp lý, cần thiết, không phát sinh thêm thủ tục hành chính không cần thiết, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và quy trình cho vay của Ngân hàng Chính sách xã hội, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho người lao động tiếp cận nguồn vốn vay.</p>
	<p><b>Điều 12. Thủ tục giải quyết vay vốn, xử lý nợ bị rủi ro</b></p> <p>1. Người lao động có nhu cầu vay vốn hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài lập hồ sơ vay vốn gửi Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Sơn La hoặc Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội nơi đăng ký thường trú để được hỗ trợ vay vốn.</p> <p>2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ vay vốn, Ngân hàng Chính sách xã hội thông báo kết quả phê duyệt cho vay.</p> <p>3. Quy trình, thủ tục vay vốn, giải ngân, thu nợ, thu lãi: Áp dụng theo hướng dẫn nghiệp vụ cho vay đối với người lao</p>	<p>- Quy định về thủ tục giải quyết vay vốn và xử lý nợ rủi ro tại Điều 13 nhằm bảo đảm việc triển khai chính sách cho vay hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài được thực hiện đúng quy định, công khai, minh bạch, thuận lợi cho người vay vốn, đồng thời bảo đảm an toàn nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội.</p> <p>- Việc giao người lao động lập hồ sơ và nộp tại Chi nhánh hoặc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội nơi đăng ký thường trú là phù hợp với mạng lưới hoạt động hiện có của Ngân hàng Chính sách xã hội, tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động tiếp cận chính sách ngay tại địa bàn cư trú, giảm chi phí đi lại và thời gian thực hiện thủ tục hành chính.</p>

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	<p>động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng do Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam hướng dẫn.</p> <p>4. Trình tự gia hạn, chuyển nợ quá hạn, quản lý và sử dụng tiền lãi cho vay xử lý nợ rủi ro: áp dụng theo Quy chế của Ủy ban nhân dân tỉnh về quản lý, sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Sơn La.</p>	<p>- Quy định thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ để Ngân hàng Chính sách xã hội thông báo kết quả phê duyệt vay vốn bảo đảm tính kịp thời, minh bạch, tạo sự chủ động cho người lao động trong việc chuẩn bị xuất cảnh đi làm việc ở nước ngoài, đồng thời phù hợp với quy trình thẩm định hồ sơ vay vốn theo quy định hiện hành.</p> <p>- Quy trình, thủ tục vay vốn, giải ngân, thu nợ, thu lãi được thực hiện theo hướng dẫn nghiệp vụ của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam nhằm bảo đảm tính thống nhất trong toàn hệ thống, tránh trùng lặp, phát sinh thêm thủ tục hành chính mới; đồng thời tận dụng kinh nghiệm, cơ sở dữ liệu và cơ chế quản lý tín dụng chính sách đã được triển khai ổn định trong thời gian qua.</p> <p>- Đối với trình tự gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn, xử lý nợ rủi ro, việc áp dụng theo Quy chế của Ủy ban nhân dân tỉnh về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội là phù hợp với thẩm quyền của địa phương, bảo đảm thống nhất trong quản lý nguồn vốn ủy thác, đồng thời tạo cơ sở pháp lý để xem xét xử lý kịp thời các khoản nợ phát sinh do nguyên nhân khách quan.</p>

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
		<p>Như vậy, các quy định tại Điều 13 bảo đảm tính khả thi, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành, không phát sinh thêm thủ tục hành chính mới, tạo thuận lợi cho người lao động khi tiếp cận vốn vay, đồng thời nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác.</p>
	<p><b>Điều 13. Nguồn kinh phí thực hiện</b>            Nguồn kinh phí thực hiện Nghị quyết này được bố trí từ nguồn ngân sách địa phương./.</p>	<p>Việc quy định nguồn kinh phí thực hiện Nghị quyết được bố trí từ ngân sách địa phương nhằm xác định rõ đây là chính sách do địa phương chủ động ban hành và chịu trách nhiệm bảo đảm nguồn lực thực hiện.</p> <p>Quy định này đồng thời có ý nghĩa phân định rõ ràng với các nguồn kinh phí, chương trình, chính sách hỗ trợ khác của Trung ương hoặc các chương trình mục tiêu quốc gia, tránh trùng lặp, chồng chéo trong quá trình bố trí và sử dụng ngân sách.</p> <p>Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ khả năng cân đối ngân sách địa phương từng năm để bố trí kinh phí thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước</p>